

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 925/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023; giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thu T – Sinh năm: 1983 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà N, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T – Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số M, đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn bà Mai Thị Thu T khai:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thu T và ông Trần Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24 tháng 9 năm 2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T, ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn do ông T không tập trung làm ăn để chăm lo cho gia đình

mà chơi cá độ, cờ bạc, nợ nần, ngoài ra ông T còn nhậu nhẹt không quan tâm gì đến vợ con. Bà T đã nhiều lần tha thứ nhưng nay không thể tiếp tục chung sống được nữa. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Có hai con chung cháu Trần Bảo N, sinh ngày 09/3/2013 và cháu Trần Khánh N, Sinh ngày 16/9/2014. Hiện nay các cháu đang ở với bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Bà Mai Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Mai Thị Thu T khẳng định bà và ông T không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng bà.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Trần Minh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thu T và ông Trần Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24 tháng 9 năm 2021. Thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn về tình cảm và tài chính. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì ông T vẫn còn tình cảm với vợ và các con.

Về con chung: Có hai con chung cháu Trần Bảo N – sinh ngày 09/3/2013 và cháu Trần Khánh N – Sinh ngày 16/9/2014. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và thì nguyện vọng của ông T là để các con tự quyết định muốn ở với ai thì ở.

Về tài sản chung: Ông Trần Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trần Minh T khẳng định ông và bà T không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Mai Thị Thu T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của bà Mai Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn đối với ông Trần Minh T và nguyện vọng chăm sóc

nuôi con chung. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24 tháng 9 năm 2021. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Thu T và ông Trần Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét mâu thuẫn hôn nhân, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa. Vì ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, không xây dựng kinh tế cho gia đình, chơi cá độ, cờ bạc, nợ nần và nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong suốt thời gian dài. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng. Cuộc sống chung giữa hai bên không thể tiếp tục duy trì hàn gắn, nên cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Thu T.

Về con chung: Bà Mai Thị Thu T và ông Trần Minh T có 02 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 09/3/2013 và cháu Trần Khánh N, sinh ngày 16/9/2014. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Bảo N, Trần Khánh N, vì ông Trần Minh T không thể chăm sóc hai cháu được. Để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Trần Bảo N, Trần Khánh N và nguyện vọng của cả hai cháu đều mong muốn được ở với mẹ nên cần giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 09/3/2013 và cháu Trần Khánh N, sinh ngày 16/9/2014 cho bà Mai Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Mai Thị Thu T không yêu cầu ông Trần Minh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Mai Thị Thu T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Mai Thị Thu T. Bà Mai Thị Thu T được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Giao con chung cháu Trần Bảo N – sinh ngày 09/3/2013 và cháu Trần Khánh N – Sinh ngày 16/9/2014 cho bà Mai Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Minh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị Thu T và ông Trần Minh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- ***Về án phí:*** Bà Mai Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0021704 ngày 21 tháng 10 năm 2022.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- UBND P. T TP.B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

